

BẢNG GIÁ ỚNG VÀ PHỤ KIỆN CHỐNG TIA CỰC TÍM PPR - UV








Đơn vị tính: VNĐ/m (Unit: VND/m); VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)





TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
ỚNG PN10 - PN10 PIPE				
	Φ20 x 2.3mm	10	35,200	38,016
	Φ25 x 2.8mm	10	62,500	67,500
	Φ32 x 2.9mm	10	81,100	87,588
	Φ40 x 3.7mm	10	108,800	117,504
	Φ50 x 4.6mm	10	159,700	172,476
	Φ63 x 5.8mm	10	254,300	274,644
ỚNG PN20 - PN20 PIPE				
	Φ20 x 3.4mm	20	43,500	46,980
	Φ25 x 4.2mm	20	76,100	82,188
	Φ32 x 5.4mm	20	112,000	120,960
	Φ40 x 6.7mm	20	173,400	187,272
	Φ50 x 8.3mm	20	269,300	290,844
	Φ63 x 10.5mm	20	424,700	458,676
CÚT 90° - 90° ELBOW				
	Φ20	25	8,700	9,396
	Φ25	25	11,500	12,420
	Φ32	25	20,300	21,924
	Φ40	25	33,000	35,640
	Φ50	25	57,900	62,532
	Φ63	25	177,300	191,484
CÚT REN TRONG 90° - FEMALE THREADED 90° ELBOW				
	Φ20*1/2	25	87,900	94,932
	Φ25*1/2	25	99,700	107,676
	Φ25*3/4	25	134,200	144,936
	Φ32*1	25	247,800	267,624
CÚT REN NGOÀI 90° - MALE THREADED 90° ELBOW				
	Φ20*1/2	25	123,500	133,380
	Φ25*1/2	25	139,700	150,876
	Φ25*3/4	25	165,000	178,200
	Φ32*1	25	262,500	283,500

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
TÊ - TEE				
	Φ20	25	10,300	11,124
	Φ25	25	15,800	17,064
	Φ32	25	26,100	28,188
	Φ40	25	40,400	43,632
	Φ50	25	79,600	85,968
	Φ63	25	199,600	215,568
TÊ THU - REDUCING TEE				
	Φ25/20	25	15,800	17,064
	Φ32/20	25	27,800	30,024
	Φ32/25	25	27,800	30,024
	Φ40/20	25	61,100	65,988
	Φ40/25	25	61,100	65,988
	Φ40/32	25	61,100	65,988
	Φ50/20	25	107,300	115,884
	Φ50/25	25	107,300	115,884
	Φ50/32	25	107,300	115,884
	Φ50/40	25	107,300	115,884
	Φ63/25	25	188,600	203,688
	Φ63/32	25	188,600	203,688
Φ63/40	25	188,600	203,688	
Φ63/50	25	188,600	203,688	
TÊ REN TRONG - FEMALE THREADED TEE				
	Φ20*1/2	25	88,400	95,472
	Φ25*1/2	25	94,700	102,276
	Φ25*3/4	25	138,000	149,040
TÊ REN NGOÀI - MALE THREADED TEE				
	Φ20*1/2	25	109,000	117,720
	Φ25*1/2	25	118,100	127,548
	Φ25*3/4	25	143,100	154,584
BỊT - END CAP				
	Φ20	25	4,500	4,860
	Φ25	25	7,600	8,208
	Φ32	25	9,800	10,584
	Φ40	25	14,800	15,984

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
RẮCÇO REN NGOÀI - MALE THREADED UNION				
	Φ20*1/2	25	210,300	227,124
	Φ25*3/4	25	315,200	340,416
	Φ32*1	25	525,400	567,432
	Φ40*11/4	25	827,800	894,024
	Φ50*11/2	25	1,320,200	1,425,816
	Φ63*2	25	1,838,300	1,985,364
RẮCÇO REN TRONG - FEMALE THREADED UNION				
	Φ20	25	110,800	119,664
RẮCÇO NHỰA - UNION				
	Φ20	10	57,100	61,668
	Φ25	10	84,000	90,720
	Φ32	10	120,900	130,572
	Φ40	10	138,800	149,904
	Φ50	10	208,600	225,288
MĂNG SÔNG REN TRONG - MALE THREADED COUPLING				
	Φ20*1/2	25	78,900	85,212
	Φ25*1/2	25	96,400	104,112
	Φ25*3/4	25	107,700	116,316
	Φ32*1	25	175,200	189,216
	Φ40*11/4	25	434,700	469,476
	Φ50*11/2	25	577,000	623,160
	Φ63*2	25	1,167,100	1,260,468
MĂNG SÔNG REN NGOÀI - FEMALE THREADED COUPLING				
	Φ20*1/2	25	99,700	107,676
	Φ25*1/2	25	115,200	124,416
	Φ25*3/4	25	139,000	150,120
	Φ32*1	25	205,500	221,940
	Φ40*11/4	25	597,600	645,408
	Φ50*11/2	25	746,900	806,652
	Φ63*2	25	1,265,600	1,366,848

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
CHÉCH 45° - 45° ELBOW				
	Φ20	25	7,300	7,884
	Φ25	25	11,500	12,420
	Φ32	25	17,400	18,792
	Φ40	25	34,700	37,476
	Φ50	25	66,100	71,388
	Φ63	25	151,600	163,728
CÔNG THU - REDUCER				
	Φ25/20	25	7,100	7,668
	Φ32/20	25	10,300	11,124
	Φ32/25	25	10,300	11,124
	Φ40/20	25	15,800	17,064
	Φ40/25	25	15,800	17,064
	Φ40/32	25	15,800	17,064
	Φ50/20	25	28,400	30,672
	Φ50/25	25	28,400	30,672
	Φ50/32	25	28,400	30,672
	Φ50/40	25	28,400	30,672
	Φ63/25	25	55,000	59,400
	Φ63/32	25	55,000	59,400
MĂNG SÔNG - COUPLING				
	Φ20	25	4,600	4,968
	Φ25	25	7,800	8,424
	Φ32	25	12,200	13,176
	Φ40	25	19,300	20,844
	Φ50	25	34,500	37,260
	Φ63	25	69,100	74,628
VAN CỬA ĐỒNG TAY NHỰA - GATE VALVE				
	Φ20	25	414,900	448,092
	Φ25	25	477,200	515,376
	Φ32	20	684,600	739,368
	Φ40	20	1,152,600	1,244,808
	Φ50	20	1,797,300	1,941,084
	Φ63	20	2,769,600	2,991,168